Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8515.90.29

Mã HS	8515.90.29
Mô tả hàng hóa	Máy và thiết bị hàn các loại dùng điện (kể cả khí ga nung nóng bằng điện), dùng chùm tia laser hoặc chùm tia sáng khác hoặc chùm phô-tông, siêu âm, chùm electron, xung từ hoặc hồ quang, có hoặc không có khả năng cắt; máy và thiết bị dùng điện để xì nóng kim loại hoặc gốm kim loại / - Bộ phận: / - - Các bộ phận của máy và thiết bị để hàn các linh kiện trên tấm mạch in/tấm dây in: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 14:09:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85159029/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15290
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15290
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15290
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14597
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14538
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14538
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14538
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14538
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14538
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14538
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14592
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14592
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14592
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14592

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14592
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14592
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14593
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14593
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14593
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14593
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14593
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14593
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14596
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14544
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14552
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14552
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14552
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14552
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14552
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14552
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14583
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14583
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14583
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14583
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14583
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14583
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14638
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14638
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14638
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14638

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14638
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14638
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14615
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14615
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14615
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14615
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14615
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14615
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14615
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14615
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14615
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14615
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14615
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14615
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14630
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14630
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14630
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14630
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14630
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14630
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14629
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14629
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14629
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14629
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14629
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14629

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14622
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14622
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14622
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14622
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14622
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14622
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14622
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14617
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14617
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14617
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14617
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14617
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14617
RCEP B	2022	2022	0	B!D14617
RCEP B	2023	2023	0	B!E14617
RCEP B	2024	2024	0	B!F14617
RCEP B	2025	2025	0	B!G14617
RCEP B	2026	2026	0	B!H14617
RCEP B	2027	2027	0	B!I14617
RCEP C	2022	2022	0	C!D14617
RCEP C	2023	2023	0	C!E14617
RCEP C	2024	2024	0	C!F14617
RCEP C	2025	2025	0	C!G14617
RCEP C	2026	2026	0	C!H14617
RCEP C	2027	2027	0	C!I14617
RCEP D	2022	2022	0	D!D14616

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14616
RCEP D	2024	2024	0	D!F14616
RCEP D	2025	2025	0	D!G14616
RCEP D	2026	2026	0	D!H14616
RCEP D	2027	2027	0	D!I14616
RCEP E	2022	2022	0	E!D14620
RCEP E	2023	2023	0	E!E14620
RCEP E	2024	2024	0	E!F14620
RCEP E	2025	2025	0	E!G14620
RCEP E	2026	2026	0	E!H14620
RCEP E	2027	2027	0	E!I14620
RCEP F	2022	2022	0	F!D14617
RCEP F	2023	2023	0	F!E14617
RCEP F	2024	2024	0	F!F14617
RCEP F	2025	2025	0	F!G14617
RCEP F	2026	2026	0	F!H14617
RCEP F	2027	2027	0	F!I14617
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13604
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13604
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13604
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13604

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8515.90 có 4 dòng thuế; dòng 8515.90.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8515.90.10 Của máy hàn hồ quang điện xoay chiều, kiểu biến thế; 8515.90.21 Của máy hàn sóng; 8515.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8515.90.29 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8515.90.29	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8515.90.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8515.90.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15290), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.